TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG** TỈNH TIỀN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2024/DSST
Ngày: 28/6/2024
V/v tranh chấp: "*Hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Nhi.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Thành Thạnh Tiến
2. Ông Nguyễn Đức Tân

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phùng Anh Thy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Phú Đông;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Khắc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 33/2024/TLST-DS, ngày 06 tháng 03 năm 2024, về việc tranh chấp: *"Hợp đồng tín dụng"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2024/QĐXXST- DS, ngày 15 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 64/2024/QĐST- DS, ngày 31 tháng 5 năm 2024; giữa:

- *Nguyên đơn*: Công ty A.
Địa chỉ: Lầu 15 Tòa nhà C, 72-74 K, phường S, quận 3, thành phố H.
Đại diện theo pháp luật: Ông B - Tổng giám đốc.
Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị H - Trưởng bộ phận cấp cao Bộ phận quản lý công nợ.
Đại diện theo ủy quyền của bà *Nguyễn Thị H*: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1980.
Địa chỉ: Lầu 15 Tòa nhà C, 72-74 K, phường S, quận 3, thành phố H.
- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Thanh B, sinh năm 1984.
Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang.
(Anh T xin vắng mặt, anh B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:*

Ngày 13/8/2023, anh B có ký hợp đồng tín dụng số 930080004434202000 với Công ty A để vay số tiền 30.000.000 đồng. A đã giải ngân số tiền 30.000.000 đồng theo thỏa thuận tại Điều 2 của Hợp đồng tín dụng và anh B đã nhận tiền vay. Khi vay thỏa thuận lãi suất là 3,87%/tháng, thời hạn vay 24 tháng, hình thức thanh toán là trả góp tiền gốc, lãi và phí hàng tháng. Mỗi tháng, anh B có nghĩa vụ trả cho A số tiền là 1.953.503 đồng, trả trước hoặc đúng ngày 12 hàng tháng. Trả lần đầu vào ngày 12/9/2023.

Từ ngày 07/9/2023 đến ngày 30/10/2023, anh B đã trả cho A số tiền là 3.907.921 đồng. Trong đó, trả nợ gốc là 1.703.382 đồng, nợ lãi trong hạn 2.180.539 đồng, phí 24.000 đồng. Từ sau ngày 30/10/2023 đến nay, anh B không trả tiền cho A.

Ông Nguyễn Văn T yêu cầu anh B trả cho A số tiền còn nợ đến ngày xét xử là 39.034.191 đồng. Trong đó, nợ gốc là 28.296.618 đồng, nợ lãi trong hạn 9.360.714 đồng, nợ lãi quá hạn tạm tính đến ngày 28/6/2024 là 1.268.859 đồng và phí là 108.000 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật và trả lãi phát sinh, phí tiếp theo từ ngày 29/6/2024 đến khi anh B trả hết nợ cho A, theo mức lãi suất đã ký kết tại hợp đồng tín dụng số 930080004434202000 giữa A với anh B.

***** Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh B hợp lệ nhưng anh B không đến Tòa án, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của A.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dna6 Tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của A. Buộc anh B có nghĩa vụ trả cho A số tiền nợ là 39.034.191 đồng. Trong đó nợ gốc là 28.296.618 đồng, lãi trong hạn 9.360.714 đồng, nợ lãi quá hạn là 1.268.859 đồng và phí là 108.000 đồng. Trả khi án có hiệu lực pháp luật và trả lãi phát sinh, phí tiếp theo từ ngày 29/6/2024 đến khi anh B trả hết nợ cho A, theo mức lãi suất đã ký kết tại hợp đồng tín dụng số 930080004434202000 giữa A với anh B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, phạm vi khởi kiện

Công ty A khởi kiện, yêu cầu anh Nguyễn Thanh B trả lại tiền vay còn nợ nên đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không có yêu cầu phản tố.

Anh T là đại diện theo ủy quyền của A có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh B vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ 2, không có lý do. Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vụ án vắng mặt anh T và anh B.

[2] Về nội dung khởi kiện

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là A yêu cầu anh B trả tiền vay còn nợ đến ngày xét xử (28/6/2024) là 39.034.191 đồng.

Xét thấy, theo nội dung hợp đồng tín dụng số 930080004434202000 ký kết ngày 13/8/2023, giữa A với anh B thì anh B có vay của A số tiền 30.000.000 đồng. Theo đơn khởi kiện, anh B còn nợ tiền vay là 28.296.618 đồng; theo các bản kê tiền lãi, tính đến ngày 28/6/2024, anh B còn nợ các khoảng tiền lãi và phí như sau: Lãi trong hạn 9.360.714 đồng, lãi quá hạn là 1.268.859 đồng và phí quản lý khoản vay là là 108.000 đồng. Anh B không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của A nên anh B đã từ bỏ quyền trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của A. Do đó, có cơ sở xác định anh B còn nợ A đến ngày 28/6/2024 tổng cộng là 39.034.191 đồng nên buộc anh B có nghĩa vụ trả tiền còn nợ cho A là 39.034.191 đồng.

[3] Về thời gian trả

A yêu cầu anh B trả số tiền còn nợ (tạm tính đến ngày 28/6/2024) là 39.034.191 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, tại Điều 3 của hợp đồng tín dụng số 930080004434202000, ngày 13/8/2023 thời hạn thanh toán gốc và lãi định kỳ hàng tháng. Anh B không trả tiền gốc và lãi từ 01/11/2023 đến nay là vi phạm hợp đồng về nghĩa vụ thanh toán. Do đó, A yêu cầu anh B trả tất cả nợ gốc, nợ lãi làm một lần là phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về yêu cầu trả lãi phát sinh sau ngày 28/6/2024 (sau ngày xét xử):

Căn cứ khoản 2 Điều 91 luật Tổ chức tính dụng năm 2010 quy định: "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*". A yêu cầu tính lãi phát sinh sau ngày xét xử đến ngày anh B trả xong nợ, với lãi suất theo nội dung các hợp đồng hai bên đã ký kết là phù hợp quy định pháp luật nên ghi

nhận.

[5] Về phát biểu của kiểm sát viên:

Ý kiến phân tích và đề nghị của Kiểm sát viên có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí

Anh B có nghĩa vụ trả tiền cho A nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. A, không nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều luật áp dụng:

- Điều 303, Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.
- Điều 5, khoản 3 Điều 26, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân Tối cao;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty A.
- Buộc anh Nguyễn Thanh B có nghĩa vụ trả cho Công ty A số tiền vay còn nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày xét xử (28/6/2024) là 39.034.191 *(ba mươi chín triệu không trăm ba mươi bốn nghìn một trăm chín mươi mốt)* đồng, trả khi án có hiệu lực pháp luật và trả lãi phát sinh từ ngày 29/6/2024 đến ngày trả xong nợ với lãi suất theo hợp đồng tín dụng số 930080004434202000, ngày 13/8/2023, anh Nguyễn Thanh B đã ký kết với Công ty A.

Đến hạn trả tiền, nếu anh Nguyễn Thanh B không thực hiện việc trả tiền theo thời gian trên thì hàng tháng phải trả thêm khoản lãi theo mức lãi suất quy định tại theo hợp đồng tín dụng số 930080004434202000, ngày 13/8/2023, giữa Công ty A với anh Nguyễn Thanh B.

- Về án phí:

+ Anh Nguyễn Thanh B có nghĩa vụ nộp 1.951.709 (*một triệu chín trăm năm mươi mốt nghìn bảy trăm lẽ chín)* đồng, án phí dân sự sơ thẩm.

+ Công ty Tài chính A không nộp tiền áp phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Công ty A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 804.837 *(tám trăm lẻ bốn nghìn tám trăm ba mươi bảy)* đồng, theo biên lai thu số 0001614, ngày 06/03/2024, của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo Bản án đến Tòa án tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND H. Tân Phú Đông;
- THA DS H. Tân Phú Đông;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

NGUYỄN THỊ HOÀNG NHI